TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGHĨA HÀNH** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/HNGĐ-ST
Ngày 15/11/2019
"V*/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HÀNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Diếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Vinh

2. Bà Lê Thị Thanh Chín

-Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tiến Dũng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi *tham gia phiên tòa*: Bà Hoàng Thị Thương Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện R tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2019/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019, về tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2019/QĐST- HNGĐ ngày 30/10/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Công K, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Thôn Q, xã E, R, Quảng Ngãi.

Bị đơn: Chị Ngô Thị Mỹ H, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Thôn Y, xã P, R, Quảng Ngãi.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Phạm Công K trình bày :*

Về quan hệ hôn nhân: Anh K và chị H tự nguyện tìm hiểu đến với nhau, được hai bên gia đình lễ cưới theo phong tục tập quán. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã E vào 25/02/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm nên hay cãi nhau. Kể từ tháng 02/2016 đến nay anh K và chị H đã sống ly thân mỗi người một nơi, không quan tâm chăm sóc cho nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh K yêu cầu Tòa an giải quyết cho K được ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Phạm Quỳnh A, sinh ngày 02/6/2015, hiện nay con đang ở với anh K.

Khi ly hôn, anh K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con, và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại bản tự khai ngày 03/9/2019 bị đơn chị Ngô Thị Mỹ H trình bày*:

Về hôn nhân: Chị và anh K tự nguyện tìm hiểu rồi đến với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã E vào năm 2015. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian rồi phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau. Kể từ tháng 2/2016 chị và anh K sống ly thân mỗi người một nơi không quan tâm ở gần chăm sóc cho nhau nữa. Nay anh K yêu cầu ly hôn thì chị H đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Phạm Quỳnh A, sinh ngày 02/6/2015, hiện nay con đang ở với ông bà nội. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con, và không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: chị H vắng mặt không có lý do.

* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ xác minh tại Hội liên hiệp phụ nữ xã E, huyện R. Về phía địa phương không xác định được nguyên nhân mâu thuẫn vì không nghe anh K hay chị H cùng như phụ nữ thôn báo.

**Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu*:

Về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn chấp hành và tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật TTDS.

Về quan điểm giải quyết vụ án: giữa anh K và chị H có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên dẫn đến hay cãi nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Từ tháng 02/2016 đến nay anh K và chị H đã sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh K và chị H không thể hòa giải được, cuộc sống không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy việc anh K khởi kiện xin ly hôn với chị H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về nuôi con chung: từ nhỏ đến lớn cháu Quỳnh A sống cùng với anh K và ông bà nội nên anh K sẽ hiểu rõ và chăm sóc cháu tốt hơn, chị H đi làm ăn xa không có ở địa phương nên cần tiếp tục giao con cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, anh K không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Do đó, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: cho anh K được ly hôn chị H. Vấn đề con chung: giao cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, chị H chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Án phí dân sự sơ thẩm: anh K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện R thụ lý, giải quyết yêu cầu Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm c Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã có Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và đã tống đạt cho chị H nhưng chị H không đến Tòa án để làm việc nên Tòa án không tiến hành hòa giải các vấn đề tranh chấp trong vụ án được.

Bị đơn chị Ngô Thị Mỹ H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh K và chị H tự nguyệt kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã E vào ngày 25/02/2015. Do vậy hôn nhân giữa nh K và chị H là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8,9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh K thì thấy: Giữa anh K và chị H đã có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên hay cãi nhau. Từ tháng 02/2016 đến nay anh K và chị H phần ai nấy sống không còn quan tâm chăm sóc đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh K không thể hòa giải, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại bản tự khai ngày 03/9/2019 chị H cũng đồng ý ly hôn. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Phạm Công K được ly hôn với chị Ngô Thị Mỹ H.

[3] Về con chung: Anh K và chị H đều công nhận vợ chồng có một con chung tên Phạm Quỳnh A, sinh ngày 02/6/2015. Hiện nay con đang ở cùng anh K

và ông bà nội. Khi ly hôn cả anh K và chị H đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu người kia phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu nuôi con của anh K, chị H: Hiện nay cháu Quỳnh A còn nhỏ đang sống ổn định cùng với anh K và ông bà nội. Chị H đi làm ăn xa không có ở địa phương. Những lần Tòa án triệu tập lên làm việc chị H không đến. Do đó để đảm bảo sự ổn định và phát triển cho cháu bé Hội đồng xét xử quyết định giao con cho anh Phạm Công K trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh K không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: anh K, chị H đều trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Từ những phân tích và nhận định, đánh giá như trên, đề nghị của Kiểm sát viện tại phiên toà về việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh K phải chịu án phí về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật TTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm c Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a Khoản 5Điều 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84, 107 và Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Công K được ly hôn chị Ngô Thị Mỹ H.

2.Về con chung: Giao con chung tên Phạm Quỳnh A, sinh ngày 02/6/2015 cho anh Phạm Công K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị H chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Phạm Công K phải chịu 300.000 đồng án dân sơ sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) anh K đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0004396 ngày 03 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R. Anh K đã nộp đủ án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện R;
- Chi cục THADS huyện R;
- UBND xã E;
- Các đương sư;
- Lưu: hs, vt.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Diếu